

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2020

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Lưu

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Mã Thị Ca A – sinh năm 1989

Trú tại: thôn B, xã C, huyện D, tỉnh BT.

*** Bị đơn:** Ông Võ Ngọc E – sinh năm 1982

Trú tại: thôn F, xã G, thành phố PT, tỉnh BT.

Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt ông E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Mã Thị Ca A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông E tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh BT. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông E thường xuyên nhậu và dùng lời lẽ xúc phạm bà và đập phá tài sản trong nhà nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, gây gổ nhau. Đến cuối năm 2017 ông E bị tai nạn, bình phục về nhà mẹ ruột ở, không quan tâm đến bà và các con, bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà và ông E đã không

còn sống chung từ năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống. Nay bà xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà và ông E có 02 con Võ Quỳnh H, sinh ngày 19/9/2007 và Võ Ngọc I, sinh ngày 22/10/2014, từ khi ly thân đến nay bà là người trực tiếp nuôi các con, yêu cầu được tiếp tục nuôi và chưa yêu cầu ông E cấp dưỡng cho các con vì bà đủ điều kiện nuôi con. Bà không đồng ý giao con Võ Ngọc I cho ông E trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay ông E do bị tai nạn nên đi lại còn khó khăn, chưa đi làm, không có thu nhập thì việc nuôi con không đảm bảo. Còn cháu Quỳnh H có nguyện vọng được ở với bà A.

Về tài sản chung: Trong đơn bà ghi không có tài sản chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà xác nhận tài sản chung của bà và ông E là căn nhà xây dựng vào năm 2014, trị giá 327.000.000 đồng ở thôn B, xã C, huyện D, tỉnh BT (được xây dựng trên đất của mẹ ruột bà, trong căn nhà có dàn cây và cửa của mẹ bà cho, còn lại là của vợ chồng). Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Trong đơn bà ghi không có nợ chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà xác nhận có nợ chung, nợ bác Thông Thị J 50.000.000 đồng, nợ cậu Mã K 50.000.000 đồng, hai khoản nợ này không có giấy tờ. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Ngọc E trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như bà A trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, ông bà không có mâu thuẫn gì, bà A cho rằng ông uống rượu, đập phá tài sản trong nhà là không đúng. Ông và bà A đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay do ông bị tai nạn, về nhà mẹ ruột ông sống. Nay ông xác định hai người không còn tình cảm nên bà A làm đơn ly hôn thì ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà A.

Về con chung: Ông bà có 02 con như bà A trình bày là đúng. Từ khi ly thân đến nay bà A là người trực tiếp nuôi 02 con, nay ly hôn ông yêu cầu nuôi con Võ Ngọc I, sinh ngày 22/10/2014, không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho con. Hiện nay ông chưa đi làm vì chân chưa ổn định, nhưng nếu ông nuôi con thì sẽ có sự hỗ trợ của gia đình ông. Trước khi ông bị tai nạn ông làm nghề lái xe, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông và bà A có căn nhà cấp 4 xây dựng vào năm 2014, trị giá 327.000.000 đồng (xây trên đất của mẹ vợ) ở thôn B, xã C, huyện D, tỉnh BT. Ông và bà A sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì sau này ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: ông khai không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Võ Ngọc E cư trú tại thôn F, xã G, thành phố PT, tỉnh BT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

Ông E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông E.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Mã Thị Ca A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông E là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh BT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2007, ngày 29 tháng 3 năm 2007.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Võ Ngọc E thừa nhận ông và bà A không còn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà A. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông E là có thật, đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông E là có căn cứ nên chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà A và ông E có 02 con là Võ Quỳnh H, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2007 và Võ Ngọc I, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014. Bà A yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, còn ông E yêu cầu nuôi con Võ Ngọc I.

Xét thấy, trong quá trình chung sống bà A và ông E đều có quyền, nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay bà A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con, bà có việc làm ổn định (phụ bếp ở Công ty Z), có thu nhập thường xuyên từ lương hàng tháng 6.000.000 đồng, trong khi đó ông E cũng yêu cầu được nuôi một con nhưng do ông bị tai nạn giao thông đến nay chân ông chưa ổn định, đi lại còn khó khăn, ông chưa đi làm thì sẽ không có thu nhập nên việc ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu I mới gần 06 tuổi sẽ rất khó khăn, không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu I nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo ý kiến của ông. Do đó, để cuộc sống của 02 cháu ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cần giao cho bà A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, hiện tại bà A chưa yêu cầu ông E cấp dưỡng cho các con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51, Điều 54, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mã Thị Ca A, bà A được ly hôn ông Võ Ngọc E.

Về con chung: Giao cho bà Mã Thị Ca A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Võ Quỳnh H (giới tính nữ), sinh ngày 19 tháng 9 năm 2007 và Võ Ngọc I (giới tính nam), sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014. Bà A chưa yêu cầu ông Võ Ngọc E cấp dưỡng cho các con.

Sau khi ly hôn, bà A và ông E vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Về án phí: Bà Mã Thị Ca A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0007451 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông E vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- Ủy ban nhân dân xã Hàm Trí;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan